

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ KON TUM  
TỈNH KON TUM**

Bản án số: 115/2021/HS-ST.

Ngày: 16/9/2021.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KON TUM - TỈNH KON TUM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị Hồng Dung.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đặng Văn Vũ và bà Nguyễn Thị Sương.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thúy An – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum tham gia phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 112/2021/TLST-HS ngày 20 tháng 8 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 120/2021/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 8 năm 2021 đối với bị cáo:

**Võ Trọng G.** Tên gọi khác: Không. Sinh ngày 07 tháng 7 năm 1992, tại Kon Tum. Nơi cư trú: Thôn N, xã H, thành phố K, tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hoá: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Trọng Q, sinh năm 1962 và bà Lê Thị Phương L, sinh năm 1964, cùng trú tại: Thôn N, xã H, thành phố K, tỉnh Kon Tum; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Kim T1 (sinh năm: 1990) và có 01 con là Võ Khôi N1 (sinh năm 2013), hiện vợ con bị cáo sinh sống tại thôn N, xã H, thành phố K, tỉnh Kon Tum; Tiền sự: không; tiền án: Không. Ngày 09/6/2021 bị cáo bị tạm giam đến nay. (Có mặt).

**- Người bị hại:**

Ông Võ Trọng Q, sinh năm 1962 và bà Lê Thị Phương L, sinh năm 1964.

Cùng nơi cư trú: Thôn N, xã H, Thành phố K, tỉnh Kon Tum. "Ông Q có mặt và đã được sự ủy quyền của bà L".

**- Người tham gia tố tụng khác:**

Người làm chứng:

+ Anh Nguyễn Công T, sinh năm 1985.

Nơi cư trú: Số M, đường H, Thành phố K, tỉnh Kon Tum. "Có mặt".

+ Anh Nguyễn Xuân N, sinh năm 1984.

Nơi cư trú: Số P, đường H, Thành phố K, tỉnh Kon Tum. "Có mặt".

+ Chị Võ Thị Kim T2, sinh năm 1988.

Nơi cư trú: Thôn L, xã A, thành phố P, tỉnh Gia Lai. "Có mặt".

+ Anh Võ Đức A, sinh năm 1996. "Vắng mặt".

+ Nguyễn Thị Kim T1, sinh năm 1990. "Có mặt".  
Cùng nơi cư trú: Thôn N, xã H, Thành phố K, tỉnh Kon Tum.

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 12 giờ ngày 14/3/2021, do cần tiền tiêu xài cá nhân, lợi dụng lúc không có ai ở nhà, Võ Trọng G (*sinh năm 1992, trú tại: Thôn N, xã H, thành phố K, tỉnh Kon Tum*) nảy sinh ý định bán con bò lai khoảng 4 tháng tuổi của bố mẹ mình là ông Võ Trọng Q (*sinh năm: 1962*) và bà Lê Thị Phương L (*sinh năm: 1962, cùng trú tại: Thôn N, xã H, thành phố K, tỉnh Kon Tum*), G gọi điện thoại cho anh Nguyễn Xuân N (*sinh năm 1984, trú tại: Số P, đường H, Thành phố K, tỉnh Kon Tum*) nói muốn bán bò, anh N báo lại cho anh Nguyễn Công T (*sinh năm 1985, trú tại: Số M, đường H, Thành phố K*) sau đó anh T cùng anh N điều khiển xe ô tô tải đến nhà ông Q tại thôn N, xã H, thành phố K, tỉnh Kon Tum. Tại đây, G dẫn N và T ra chuồng bò, chỉ cho anh T con bò mình muốn bán, anh T đồng ý mua với giá 16.000.000 đồng, G dùng sợi dây thừng mà anh T đưa buộc vào cổ con bò rồi cùng với anh N, anh T kéo con bò lên thùng xe tải, anh T trả tiền cho G rồi điều khiển xe ô tô chở bò đi, cùng ngày anh T đã bán con bò cho anh Trần Thế P (*sinh năm: 1988, trú tại: thôn P, xã V, thành phố K*), ngày hôm sau anh P đã mổ con bò và bán thịt. Sau khi bán bò, G đi vào thành phố H, tỉnh Long An và tiêu xài hết số tiền này. Ngày 02/4/2021, ông Võ Trọng Q làm đơn trình báo hành vi của Võ Trọng G đến Công an thành phố K.

Tại Kết luận định giá số 20/KL-HĐ ngày 09/4/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố K kết luận: tổng giá trị của con bò bốn tháng tuổi, giống đực, loại bò lai, màu lông nâu đỏ là **20.000.000** đồng (*Bằng chữ: Hai mươi triệu đồng*).

Cáo trạng số: 112/CT-VKSTPKT ngày 19/8/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố K truy tố bị cáo Võ Trọng G về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên trình bày lời luận tội, giữ nguyên quyết định điểm truy tố đối với bị cáo Võ Trọng G như cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 173, Điều 38, điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 09 đến 12 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa ông Võ Trọng Q không yêu cầu bị cáo phải bồi thường về mặt dân sự.

Bị cáo không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Người bị hại yêu cầu xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Qua phần xét hỏi công khai tại phiên tòa hôm nay bị cáo Võ Trọng G khai nhận: Vào khoảng 12 giờ ngày 14/3/2021, tại thôn N, xã H, thành phố K, tỉnh Kon Tum, lợi dụng lúc không có ai ở nhà, Võ Trọng G đã lén lút bán con bò lai 04 tháng tuổi của bố mẹ mình lấy số tiền 16.000.000 đồng, sau đó tiêu xài cá nhân hết. Tại thời điểm bị chiếm đoạt, theo kết luận định giá tài sản, con bò mà Võ Trọng G trộm cắp có giá trị 20.000.000 đồng.

[3] Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là hoàn toàn phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như biên bản lời khai người bị hại, người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường và các tài liệu chứng cứ khác. Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo Võ Trọng G bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố K truy tố về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[4] Khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản bị cáo là người đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý, bị cáo đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp đối với chủ sở hữu tài sản khi họ không có nhà, dẫn người đến bán bò là tài sản thuộc quyền sở hữu của ông Q và bà L, trị giá tài sản trộm cắp là 20 triệu đồng, trị giá tài sản trộm cắp thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự. Hành vi đó của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây bức xúc cho chủ tài sản chính là bố, mẹ của bị cáo nên cần phải xử phạt bị cáo một án tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo gây lên, cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để cải tạo bị cáo thành người công dân sống có ích cho xã hội, sống biết tôn trọng pháp luật.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào; Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tại cơ quan điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thật thà khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ này để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà cải tạo trở thành người công dân sống lương thiện.

Về hình phạt bổ sung: Đối với tội “*Trộm cắp tài sản*” còn có thể bị xử phạt bổ sung bằng tiền nhưng xét thấy bị cáo là người không thu nhập ổn định nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường về mặt dân sự nên không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố các bị cáo Võ Trọng G phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

+ Xử phạt bị cáo Võ Trọng G 09 (*Chín*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giam ngày 09/6/2021.

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Điều 6; khoản 1, 3 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Võ Trọng G phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331 và 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (16/9/2021).

#### **Nơi nhận:**

- TAND tối cao;
- Vụ 1 TANDTC;
- TAND cấp cao Đà Nẵng;
- TAND Tỉnh Kon Tum;
- VKSND TP K;
- VKSND Tỉnh Kon Tum;
- Cơ quan điều tra TP K;
- Cơ quan thi hành án hình sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP K;
- Người bị hại;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

***Vũ Thị Hồng Dung***